

Số: 1463 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của một số cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Thông tư số 09/2007/TT-BNV ngày 26/11/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về kho lưu trữ chuyên dụng.

Căn cứ Công văn số 14231/BTC-QLCS ngày 19/11/2020 của Bộ Tài chính về việc thỏa thuận diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính tại Báo số 105 /BC-KHTC ngày 23 tháng 9 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Trợ giúp pháp lý, Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia, Cục Bồi thường nhà nước, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (kho

vật chứng) và Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (kho vật chứng), thuộc Bộ Tư pháp.

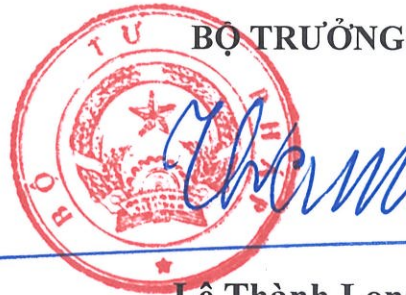
(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng là tiêu chuẩn, định mức diện tích tối đa được phép áp dụng để xác định quy mô đầu tư xây dựng mới, xây dựng cải tạo hoặc thuê trụ sở, kho vật chứng cho các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Công TTĐT (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục KHTC.



Lê Thành Long



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC BỘ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 1463/QĐ-BTP ngày 27 tháng 9 năm 2021)

Số TT	Loại, tên diện tích chuyên dùng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
I	Tổng cục Thi hành án dân sự		1.348,0	
1	Phòng hành chính một cửa	m2	60,0	
2	Phòng tiếp công dân	m2	60,0	
3	Phòng tiếp đương sự có yếu tố giải quyết khiếu nại tố cáo	m2	40,0	
4	Phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin	m2	60,0	
5	Phòng giao ban trực tuyến	m2	100,0	02 phòng, mỗi phòng 50m2
6	Hội trường trên 100 chỗ ngồi	m2	528,0	
7	Kho lưu trữ hồ sơ chuyên ngành, hồ sơ giải quyết KNTC	m2	500,0	
II	Trung tâm Lý lịch Tư pháp Quốc gia		930,0	
1	Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp	m2	100,0	
2	Phòng tiếp công dân và hỗ trợ tra cứu, xác minh thông tin để cấp phiếu Lý lịch Tư pháp	m2	100,0	
3	Phòng xây dựng, quản lý, bảo vệ hệ thống Cơ sở dữ liệu Lý lịch Tư pháp Quốc gia	m2	200,0	
4	Phòng quản trị hệ thống Công nghệ thông tin, phòng máy chủ của hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về lý lịch Tư pháp	m2	80,0	
5	Diện tích lưu trữ, bảo vệ hồ sơ Lý lịch Tư pháp Quốc gia	m2	450,0	
III	Cục Bồi thường Nhà nước		654,0	
1	Phòng tiếp công dân	m2	70,0	

Số TT	Loại, tên diện tích chuyên dùng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
2	Phòng nhận, sao tài liệu quản lý chuyên ngành về bồi thường nhà nước	m2	50,0	
3	Phòng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ bồi thường nhà nước	m2	150,0	
4	Phòng giao ban, phối hợp về công tác bồi thường nhà nước	m2	184,0	
5	Phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu quản lý chuyên ngành về bồi thường nhà nước và Phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục hỗ trợ người bị thiệt hại	m2	200,0	
IV	Cục Trợ giúp Pháp lý		818	
1	Phòng quản trị hệ thống thông tin điện tử về trợ giúp pháp lý, kết hợp hệ thống cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý	m2	140,0	
2	Kho lưu trữ hồ sơ chuyên ngành về trợ giúp pháp lý	m2	100,0	
3	Hội trường trên 100 chỗ ngồi	m2	578,0	
V	Cục THADS thành phố Hà Nội (Kho vật chứng)	m2	3.660,0	Diện tích Kho vật chứng tối đa đã bao gồm các diện tích chung và diện tích khác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành
VI	Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh (Kho vật chứng)	m2	3.707,0	

